

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----*-----
Bản án số: **157/2020/DS-ST**

Ngày 27/8/2020.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thúy An.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Thông.

2. Ông Nguyễn Văn Tâm.

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Nguyễn Văn Nguyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:* **Bà Trần Thị Ngọc Tuyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngô Thị L**, sinh năm 19xx (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã K, huyện Đ, tỉnh G.

- Bị đơn: **Hồ Thị T**, sinh năm 19xx (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã K, huyện Đ, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 06/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Ngô Thị L trình bày: Bà làm chủ hui, bà T có tham gia góp các phần hui như sau:

- Dây hui 1.000.000 đồng/tháng mở ngày 25/01/2018 âm lịch đến ngày 25/4/2019 âm lịch mãn hui, gồm 16 phần, bà T tham gia 02 phần. Bà T hót 02 phần hui vào kỳ đầu tiên được 20.000.000 đồng, bà giao đủ tiền cho bà T. Sau đó, bà T góp cho bà 06 tháng hui chết là 12.000.000 đồng thì ngưng, cho nên bà T còn nợ bà 10 tháng hui chết là 20.000.000 đồng.

- Dây hội 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 15/5/2018 âm lịch đến ngày 15/10/2019 âm lịch mãn hội, gồm 18 phần, bà T tham gia 02 phần, bà T hốt hết 02 phần vào kỳ đầu tiên được số tiền 68.400.000 đồng, bà giao đủ tiền cho bà T. Sau đó, bà T không góp lại hội chết cho bà nên bà T còn nợ bà 17 tháng là 102.000.000 đồng.

- Dây hội 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 15/5/2018 âm lịch đến ngày 15/10/2019 âm lịch mãn hội, gồm 18 phần, bà T tham gia 01 phần, bà T hốt vào kỳ đầu tiên, được số tiền 34.200.000 đồng, bà giao đủ tiền cho bà T. Sau đó, bà T không góp lại hội chết cho bà nên bà T còn nợ bà 17 tháng là 51.000.000 đồng.

- Dây hội 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 15/5/2018 âm lịch đến ngày 15/10/2019 âm lịch mãn hội, gồm 18 phần, bà T tham gia 01 phần, bà T hốt vào kỳ đầu tiên, được số tiền 57.000.000 đồng, bà giao đủ tiền cho bà T. Sau đó, bà T không góp lại hội chết cho bà nên bà T còn nợ bà 17 tháng là 85.000.000 đồng.

Bà phải góp thay số tiền hội chết cho bà T, đến nay các phần hội đã mãn, tổng cộng bà T còn nợ bà số tiền hội là 258.000.000 đồng nhưng bà T đã trả cho bà 8.000.000 đồng nên nay bà yêu cầu bà T trả số tiền là 250.000.000 đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Tại Biên bản lấy lời khai bị đơn bà Hồ Thị T trình bày: Bà có tham gia góp hội do bà L làm chủ hội, cụ thể như sau:

- Dây hội 1.000.000 đồng/tháng mở ngày 25/01/2018 âm lịch, gồm 16 phần, bà tham gia 02 phần.

- Dây hội 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 15/5/2018 âm lịch, gồm 18 phần bà tham gia 02 phần.

- Dây hội 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 15/5/2018 âm lịch, gồm 18 phần bà tham gia 01 phần.

- Dây hội 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 15/5/2018 âm lịch, gồm 18 phần bà tham gia 01 phần.

Bà đã hốt hết các phần hội này được bao nhiêu tiền thì bà không nhớ. Nay bà thừa nhận còn nợ bà L số tiền là 250.000.000 đồng nhưng do kinh tế khó khăn nên bà không có khả năng trả cho bà T.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Và về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền hội còn nợ là 250.000.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp giữa bà L và bà T là quan hệ tranh chấp hợp đồng góp hui theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, bà L yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả số tiền là 250.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Nhận thấy, tại Biên bản lấy lời khai (BL 23), bà T thừa nhận còn nợ bà L số tiền 250.000.000 đồng nhưng do kinh tế gia đình khó khăn nên không có khả năng trả tiền cho bà L. Hiện nay, các phần hui bà T tham gia đều đã mãn, bà L phải góp thay cho bà T các phần hui chết như đã nêu nhưng đến nay bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền L của bà L. Do đó, yêu cầu của bà L là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà T có nghĩa vụ trả lại bà L số tiền còn nợ là 250.000.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

Về yêu cầu trả lãi, bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà T có nghĩa vụ trả nợ nên bà T phải chịu án phí theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Bà L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 471, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường.

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L.**

- Buộc bà Hồ Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị L số tiền 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bà T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà T phải chịu án phí là 12.500.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

- Hoàn lại bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 đồng (*Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai số 0017611 ngày 28/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà L được quyền kháng cáo bản án đến Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang để xét xử phúc thẩm. Riêng bà T thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:**

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy An